

| | |
|--------------------------------------------|----------------|
| SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH | |
| ĐẾN | Số: 13951 |
| | Ngày: 30/03/18 |
| Chuyển: | NYA |
| Lưu hồ sơ số: | |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

MỤC LỤC

| | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 13 - 33 |
| 8. Phụ lục | 34 - 36 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Đào Hữu Hoàng | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Huỳnh Phú Hải | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015 |
| Bà Đỗ Thị Mai | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Đào Hữu Khôi | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Thế Kỳ | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Ngô Quốc Dũng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2013 |
| Bà Ôn Ngọc Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002 |
| Ông Dương Nguyễn Trường Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thế Kỳ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002 |
| Ông Huỳnh Phú Hải | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2007 |
| Ông Văn Tất Chiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2007 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Kỳ - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Số: 1.0525/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 809.539.038.266 | 784.862.067.607 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 5.350.615.677 | 36.438.534.304 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.350.615.677 | 6.438.534.304 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 30.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 761.078.927.131 | 707.649.736.257 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 632.143.817.478 | 567.657.657.949 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 22.153.824.451 | 10.440.555.272 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 73.897.535.269 | 84.905.235.267 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 83.779.750.560 | 80.956.138.274 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (50.896.000.627) | (36.309.850.505) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 42.027.138.265 | 40.160.559.756 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 43.416.654.063 | 41.755.647.884 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.389.515.798) | (1.595.088.128) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.082.357.193 | 613.237.290 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 709.872.839 | 613.237.290 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 365.949.634 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 6.534.720 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 141.855.543.871 | 423.134.907.896 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 72.509.755.053 | 81.686.700.484 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 66.654.551.517 | 75.790.484.520 |
| - Nguyên giá | 222 | | 217.197.004.341 | 213.575.439.192 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (150.542.452.824) | (137.784.954.672) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 5.855.203.536 | 5.896.215.964 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.603.940.878 | 8.433.940.878 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.748.737.342) | (2.537.724.914) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 23.718.124.576 | 296.524.007.314 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | 284.694.944.439 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 23.718.124.576 | 11.829.062.875 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.504.000.000 | 8.775.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.12 | 9.504.000.000 | 8.775.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.123.664.242 | 1.149.200.098 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 820.331.023 | 861.012.554 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 303.333.219 | 288.187.544 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 951.394.582.137 | 1.207.996.975.503 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 200.070.436.716 | 486.488.194.555 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 195.374.076.716 | 486.488.194.555 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 27.532.017.684 | 17.445.982.348 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 2.961.388.654 | 296.501.745.343 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 1.377.781.375 | 2.604.132.598 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 6.666.826.137 | 6.179.001.003 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 257.998.000 | 221.145.724 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 26.810.037.938 | 47.876.596.831 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 129.768.026.928 | 115.659.590.708 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.696.360.000 | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 4.696.360.000 | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

207-C
 TY
 AN
 M
 HỒ CHÍ MINH
 315-C
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 751.324.145.421 | 721.508.780.948 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 751.324.145.421 | 721.508.780.948 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21 | 210.885.368.500 | 210.885.368.500 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.21 | (10.036.370.000) | (10.036.370.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21 | 410.475.146.921 | 380.659.782.448 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 394.773.142.448 | 380.659.782.448 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 15.702.004.473 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 951.394.582.137 | 1.207.996.975.503 |



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 712.983.071.823 | 547.084.946.339 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 76.959.895.921 | 86.329.318.616 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 636.023.175.902 | 460.755.627.723 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 543.885.968.580 | 358.010.845.014 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 92.137.207.322 | 102.744.782.709 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 3.298.110.943 | 3.802.448.084 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 7.830.254.934 | 34.775.749.351 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 7.675.015.011 | 9.440.678.049 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 41.252.840.892 | 34.552.098.575 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 27.328.483.363 | 23.188.756.352 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 19.023.739.076 | 14.030.626.515 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 375.190.237 | 279.873.361 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 1.202.067.778 | 4.361.516.025 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (826.877.541) | (4.081.642.664) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 18.196.861.535 | 9.948.983.851 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 2.510.002.737 | 2.051.966.212 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | (15.145.675) | 10.521.963 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 15.702.004.473 | 7.886.495.676 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.140 | 573 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 1.140 | 573 |



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 18.196.861.535 | 9.948.983.851 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9; V.10 | 12.968.510.580 | 13.020.864.138 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6; V.7 | 14.380.577.792 | 10.727.369.299 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | (12.076.155) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (3.262.060.284) | 21.589.499.701 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 7.675.015.011 | 9.440.678.049 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 49.958.904.634 | 64.715.318.883 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (77.568.515.967) | (67.093.120.948) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 283.033.938.260 | 14.800.653.660 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (263.447.150.331) | 62.059.757.713 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (55.954.018) | (130.258.400) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18; VI.5 | (7.648.085.835) | (9.558.234.179) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (2.718.275.641) | (1.599.086.515) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (18.445.138.898) | 63.195.030.214 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9; V.10; V.11 | (15.680.626.850) | (14.761.791.053) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 192.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.4 | 11.007.699.998 | 6.975.868.097 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (729.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 1.797.756.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a; VI.4 | 706.050.903 | 255.647.258 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.966.875.949) | (6.269.519.698) |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20 | 268.207.016.460 | 355.963.221.054 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20 | (249.402.220.240) | (377.274.608.534) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19, V.21a | (27.480.700.000) | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(8.675.903.780)</i> | <i>(21.311.387.480)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (31.087.918.627) | 35.614.123.036 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 36.438.534.304 | 815.768.842 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 8.642.426 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 5.350.615.677 | 36.438.534.304 |



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng mạnh so với năm trước do Công ty chuyển nhượng dự án khu nhà ở Long Trường.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 259 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 259 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm đến không quá 03 năm

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03-04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 512.180.112 | 78.080.570 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.838.435.565 | 6.360.453.734 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | - | 30.000.000.000 |
| Cộng | <u>5.350.615.677</u> | <u>36.438.534.304</u> |

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>605.744.258.172</i> | <i>551.386.674.558</i> |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành | 605.744.258.172 | 551.386.674.558 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>26.399.559.306</i> | <i>16.270.983.391</i> |
| Cộng | <u>632.143.817.478</u> | <u>567.657.657.949</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Chế tạo máy CIE | 2.975.680.000 | 1.975.680.000 |
| KHS Synchemica Corp (Taiwan) | 2.600.978.618 | - |
| Công ty Rudofl Lietz, Inc (Philippines) | 2.564.899.882 | 435.744.000 |
| Truking Technology Limited | 2.659.995.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 11.352.270.951 | 8.029.131.272 |
| Cộng | <u>22.153.824.451</u> | <u>10.440.555.272</u> |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Cho các bên liên quan vay</i> | <i>36.897.535.269</i> | <i>47.905.235.267</i> |
| Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất 6,50%/năm | 36.897.535.269 | 47.905.235.267 |
| <i>Cho tổ chức khác vay</i> | <i>37.000.000.000</i> | <i>37.000.000.000</i> |
| Cho Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V vay | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 |
| Cộng | <u>73.897.535.269</u> | <u>84.905.235.267</u> |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>35.541.982.063</i> | <i>-</i> | <i>32.985.972.682</i> | <i>-</i> |
| Ông Đào Hữu Hoàng - lãi cho vay | 35.541.982.063 | - | 32.985.972.682 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>48.237.768.497</i> | <i>-</i> | <i>47.970.165.592</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V - lãi cho vay | 31.370.000.000 | - | 31.370.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất | 14.205.000.000 | - | 14.205.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - tiền chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng - tiền mua cổ phiếu | | - | 729.000.000 | - |
| Tạm ứng | 1.326.327.991 | - | 802.331.589 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.336.440.506 | - | 863.834.003 | - |
| Cộng | 83.779.750.560 | - | 80.956.138.274 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh | 20.000.000.000 | - | 20.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái | 15.000.000.000 | - | 15.000.000.000 | - |
| Cộng | 35.000.000.000 | - | 35.000.000.000 | - |

Theo Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành, Công ty sẽ được chia lợi nhuận từ các dự án này. Tuy nhiên đến nay các dự án này vẫn chưa được triển khai.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V- thu tiền cho vay | Trên 03 năm | 37.000.000.000 | - | Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm | 37.000.000.000 | 11.100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm | Trên 03 năm | 11.453.833.744 | - | Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm | 11.453.833.744 | 3.436.150.122 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Trên 03 năm | 2.442.166.883 | - | Trên 03 năm | 2.392.166.883 | - |
| Cộng | | 50.896.000.627 | - | | 50.846.000.627 | 14.536.150.122 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 36.309.850.505 | 26.463.899.838 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 14.586.150.122 | 9.845.950.667 |
| Số cuối năm | 50.896.000.627 | 36.309.850.505 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 2.981.694.475 | - | 84.101.000 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 31.395.801.863 | (1.383.099.528) | 20.288.275.249 | (1.595.088.128) |
| Công cụ, dụng cụ | 86.759.916 | - | 49.616.473 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 7.062.125.958 | - | 6.872.681.280 | - |
| Thành phẩm | 1.890.271.851 | (6.416.270) | 870.537.945 | - |
| Hàng hóa | - | - | 13.590.435.937 | - |
| Cộng | 43.416.654.063 | (1.389.515.798) | 41.755.647.884 | (1.595.088.128) |

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng không có khả năng tiêu thụ như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.383.099.528 | 1.595.088.128 |
| Thành phẩm | 6.416.270 | - |
| Cộng | 1.389.515.798 | 1.595.088.128 |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.595.088.128 | 713.669.496 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 881.418.632 |
| Hoàn nhập dự phòng | (205.572.330) | - |
| Số cuối năm | 1.389.515.798 | 1.595.088.128 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 186.274.686 | 262.025.031 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 523.598.153 | 351.212.259 |
| Cộng | 709.872.839 | 613.237.290 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 73.072.743.261 | 134.689.663.100 | 4.773.340.491 | 1.039.692.340 | 213.575.439.192 |
| Mua trong năm | 984.205.800 | 2.637.359.349 | - | - | 3.621.565.149 |
| Số cuối năm | 74.056.949.061 | 137.327.022.449 | 4.773.340.491 | 1.039.692.340 | 217.197.004.341 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.150.789.069 | 46.358.646.050 | 323.060.217 | 1.039.692.340 | 50.872.187.676 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 27.414.183.408 | 108.081.357.226 | 1.249.721.698 | 1.039.692.340 | 137.784.954.672 |
| Khấu hao trong năm | 2.861.457.428 | 9.355.930.216 | 540.110.508 | - | 12.757.498.152 |
| Số cuối năm | 30.275.640.836 | 117.437.287.442 | 1.789.832.206 | 1.039.692.340 | 150.542.452.824 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 45.658.559.853 | 26.608.305.874 | 3.523.618.793 | - | 75.790.484.520 |
| Số cuối năm | 43.781.308.225 | 19.889.735.007 | 2.983.508.285 | - | 66.654.551.517 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.334.336.533 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 8.302.609.778 | 131.331.100 | 8.433.940.878 |
| Mua trong năm | - | 170.000.000 | 170.000.000 |
| Số cuối năm | 8.302.609.778 | 301.331.100 | 8.603.940.878 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 48.078.900 | 48.078.900 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.434.144.542 | 103.580.372 | 2.537.724.914 |
| Khấu hao trong năm | 190.199.376 | 20.813.052 | 211.012.428 |
| Số cuối năm | 2.624.343.918 | 124.393.424 | 2.748.737.342 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.868.465.236 | 27.750.728 | 5.896.215.964 |
| Số cuối năm | 5.678.265.860 | 176.937.676 | 5.855.203.536 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 8.533.697.271 | 3.526.342.740 | - | 12.060.040.011 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 3.295.365.604 | 8.532.718.961 | (170.000.000) | 11.658.084.565 |
| - Công trình bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ | 60.000.000 | - | - | 60.000.000 |
| - Phần mềm Sthink teamwork | 140.400.000 | 119.000.000 | (170.000.000) | 89.400.000 |
| - Công trình xưởng thuốc tiêm | 3.094.965.604 | 5.212.271.496 | - | 8.307.237.100 |
| - Công trình xưởng đông dược | - | 3.116.752.745 | - | 3.116.752.745 |
| - Công trình xưởng thực phẩm chức năng | - | 84.694.720 | - | 84.694.720 |
| Cộng | 11.829.062.875 | 12.059.061.701 | (170.000.000) | 23.718.124.576 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số chi phí mua sắm tài sản cố định hình thành trong tương lai đang dở dang có giá trị là 4.096.810.907 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20).

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia | 6.750.000.000 | - | 6.750.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng | 2.754.000.000 | - 3.572.100.000 | 2.025.000.000 | - 2.493.180.000 |
| Cộng | 9.504.000.000 | - | 8.775.000.000 | - |

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 288.187.544 | 298.709.507 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 15.145.675 | (10.521.963) |
| Số cuối năm | 303.333.219 | 288.187.544 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với hoạt động ưu đãi là 15% và được giảm 50%, đối với các hoạt động khác là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm An Thiên | 5.604.690.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 21.927.327.684 | 17.445.982.348 |
| Cộng | 27.532.017.684 | 17.445.982.348 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Samedco | 2.171.452.258 | - |
| Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc | - | 11.000.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Điền Phúc Thành | - | 285.000.000.000 |
| Các khách hàng khác | 789.936.396 | 501.745.343 |
| Cộng | 2.961.388.654 | 296.501.745.343 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------------------|----------------------|----------|------------------------|-------------------------|----------------------|------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.082.494.813 | - | 2.706.651.930 | (3.788.858.749) | 287.994 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 2.475.780.436 | (2.475.780.436) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 783.499.287 | (790.034.007) | - | 6.534.720 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.444.027.735 | - | 2.510.002.737 | (2.718.275.641) | 1.235.754.831 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 77.610.050 | - | 1.651.985.050 | (1.587.856.550) | 141.738.550 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 437.682.425 | (437.682.425) | - | - |
| Cộng | 2.604.132.598 | - | 10.568.601.865 | (11.801.487.808) | 1.377.781.375 | 6.534.720 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|------------------|------|
| - Dược phẩm | 05 % |
| - Hoạt động khác | 10 % |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 154/CN-KCN-HCM ngày 09 tháng 8 năm 2001 và Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000113 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 1: Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.
- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 2 (hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2008 và bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2009): Công ty được miễn thuế 03 năm (từ năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 18.196.861.535 | 9.948.983.851 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 5.332.149.602 | 8.753.948.108 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.493.472.342) | (2.530.014.201) |
| Thu nhập chịu thuế | 21.035.538.795 | 16.172.917.758 |
| Thu nhập được miễn thuế | (382.725.000) | - |
| Thu nhập tính thuế | 20.652.813.795 | 16.172.917.758 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 4.130.562.759 | 3.234.583.552 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | (648.224.008) | (516.222.327) |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i> | (972.336.014) | (774.333.490) |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | - | 107.938.477 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 2.510.002.737 | 2.051.966.212 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 150.724.960 | 123.795.784 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 107.273.040 | 97.349.940 |
| Cộng | 257.998.000 | 221.145.724 |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 1.449.264.475 | 1.315.490.475 |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - phải trả về chương trình khuyến mãi | 1.449.264.475 | 1.315.490.475 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 25.360.773.463 | 46.561.106.356 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 292.334.804 | 292.334.803 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 553.223.586 | 709.772.132 |
| Kinh phí công đoàn | 815.614.509 | - |
| Cổ tức phải trả | 179.574.750 | 41.773.634.750 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 22.758.768.922 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 761.256.892 | 3.785.364.671 |
| Cộng | 26.810.037.938 | 47.876.596.831 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱ⁾ | 128.203.386.928 | 114.988.090.708 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 1.564.640.000 | 671.500.000 |
| Cộng | 129.768.026.928 | 115.659.590.708 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển | | Số cuối năm |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------|------------------------------|------------------------|
| | | | từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 114.988.090.708 | 261.707.016.460 | - | (248.491.720.240) | 128.203.386.928 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 671.500.000 | - | 1.803.640.000 | (910.500.000) | 1.564.640.000 |
| Cộng | 115.659.590.708 | 261.707.016.460 | 1.803.640.000 | (249.402.220.240) | 129.768.026.928 |

20b. Vay dài hạn

Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để mua máy móc thiết bị theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0110/HVU.DN17TH ngày 10/3/2017 với hạn mức vay là 9 tỷ VND, thời hạn trả là 05 năm kể từ giải ngân (30/3/2017) được chia làm 53 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng), kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/10/2017, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần.
- Hợp đồng tín dụng số 0421/HVU.DN17TH ngày 31/10/2017 với hạn mức vay là 14 tỷ VND, thời hạn trả là 05 năm kể từ giải ngân (31/10/2017) được chia làm 18 kỳ (mỗi kỳ là 03 tháng), kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 31/8/2017, lãi suất vay cố định là 8,6%/năm trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình hình thành từ nguồn vốn vay (xem thuyết minh số V.11).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|----------------------|--------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.564.640.000 | 671.500.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 4.696.360.000 | - |
| Cộng | 6.261.000.000 | 671.500.000 |

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|----------------------|---------------|
| Số đầu năm | - | 671.500.000 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 6.500.000.000 | - |
| Kết chuyển sang vay nợ ngắn hạn | (1.803.640.000) | (671.500.000) |
| Số cuối năm | 4.696.360.000 | - |

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế | |
|----------------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | | | | chưa phân phối | Cộng |
| Số dư đầu năm trước | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 372.773.286.772 | 713.622.285.272 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 7.886.495.676 | 7.886.495.676 |
| Số dư cuối năm trước | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 380.659.782.448 | 721.508.780.948 |
| Số dư đầu năm nay | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 380.659.782.448 | 721.508.780.948 |
| Lợi nhuận trong năm | | | | 15.702.004.473 | 15.702.004.473 |
| Hoàn lại cổ tức năm 2010, 2011 và 2012 | | | | 41.653.360.000 | 41.653.360.000 |
| Chia cổ tức năm 2016 | - | - | - | (27.540.000.000) | (27.540.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 410.475.146.921 | 751.324.145.421 |

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Đào Hữu Hoàng | 61.981.200.000 | 61.981.200.000 |
| Ông Đặng Ngọc Hồ | 13.051.800.000 | 13.051.800.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 10.415.000.000 | 10.415.000.000 |
| Bà Đỗ Thị Mai | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 44.552.000.000 | 44.552.000.000 |
| Cộng | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |

21c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 14.000.000 | 14.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 14.000.000 | 14.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 14.000.000 | 14.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 230.000 | 230.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 230.000 | 230.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.770.000 | 13.770.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 13.770.000 | 13.770.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Ngày 16 tháng 02 năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần S.P.M (được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) về việc xử lý cổ tức tồn đọng các năm 2010, 2011, 2012 và tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 20%.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền của Công ty gồm 3.792,78 USD (số đầu năm là 10.484,49 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 117.930.852.378 | 268.633.471.895 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 318.306.764.906 | 276.706.019.904 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 1.745.454.540 | 1.745.454.540 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 274.999.999.999 | - |
| Cộng | <u>712.983.071.823</u> | <u>547.084.946.339</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành với số tiền là 287.085.237.140VND (năm trước là 417.977.966.828VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chiết khấu thương mại | 8.045.261.735 | - |
| Hàng bán bị trả lại | 66.745.225.413 | 86.228.431.481 |
| Giảm giá hàng bán | 2.169.408.773 | 100.887.135 |
| Cộng | <u>76.959.895.921</u> | <u>86.329.318.616</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 116.732.138.128 | 229.514.450.590 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 141.663.892.543 | 127.614.975.792 |
| Giá vốn của bất động sản đầu tư đã bán | 285.695.510.239 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | (205.572.330) | 881.418.632 |
| Cộng | <u>543.885.968.580</u> | <u>358.010.845.014</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 323.325.903 | - |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 6.275.356 | 15.488.917 |
| Lãi tiền cho vay | 2.556.009.381 | 3.592.041.124 |
| Cổ tức được chia | 382.725.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 29.775.303 | 182.841.888 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 12.076.155 |
| Cộng | <u>3.298.110.943</u> | <u>3.802.448.084</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 7.675.015.011 | 9.440.678.049 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 152.675.488 | 161.530.477 |
| Lỗ chuyển nhượng công ty liên kết | - | 25.173.540.825 |
| Chi phí khác | 2.564.435 | - |
| Cộng | <u>7.830.254.934</u> | <u>34.775.749.351</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.345.507.882 | 2.130.490.397 |
| Chi phí bù thầu | 759.907.434 | - |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị | 38.348.207.264 | 31.799.862.484 |
| Các chi phí khác | 799.218.312 | 621.745.694 |
| Cộng | 41.252.840.892 | 34.552.098.575 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 7.014.656.287 | 6.796.732.465 |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 1.821.891.272 | 1.581.129.716 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 757.176.607 | 752.276.103 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 14.586.150.122 | 9.845.950.667 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.482.760.674 | 1.605.564.758 |
| Các chi phí khác | 662.848.401 | 2.604.102.643 |
| Cộng | 27.328.483.363 | 23.188.756.352 |

8. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập do nhập thừa bao bì, nguyên vật liệu | - | 178.473.961 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 22.558.030 | 101.399.400 |
| Thu nhập khác | 352.632.207 | - |
| Cộng | 375.190.237 | 279.873.361 |

9. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 8.000.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 444.357.071 | 4.075.427.802 |
| Chi phí khác | 757.710.707 | 278.088.223 |
| Cộng | 1.202.067.778 | 4.361.516.025 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10.a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 15.702.004.473 | 7.886.495.676 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 15.702.004.473 | 7.886.495.676 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 13.770.000 | 13.770.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.140 | 573 |

10.b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 103.193.700.831 | 98.317.348.676 |
| Chi phí nhân công | 26.089.661.018 | 19.211.012.579 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.968.510.580 | 13.020.864.138 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 50.835.517.276 | 42.592.392.437 |
| Chi phí khác | 16.112.128.172 | 14.591.181.431 |
| Cộng | <u>209.199.517.877</u> | <u>187.732.799.261</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh lãi cho vay với các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 2.556.009.381 VND (năm trước là 3.336.393.866 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.852.122.225 VND (năm trước là 2.052.517.500 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành – Chủ đầu tư của Công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như đã trình bày tại thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lãi cho vay | - | 255.647.258 |
| Mua tài sản cố định | - | 9.459.090.904 |
| Mua nguyên liệu, hàng hóa | 9.772.284.340 | 2.134.066.655 |
| Chiết khấu bán hàng, khuyến mãi và dịch vụ khác | 2.026.219.900 | 1.592.284.320 |
| Bù giá do chênh lệch đầu thầu | 759.907.434 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5b và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê nhà kho, chuyển nhượng dự án nhà ở.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc, Lào.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------|------------------------|------------------------|
| Việt Nam | 615.605.153.697 | 441.874.761.754 |
| Myanmar | 18.681.661.147 | 15.906.901.352 |
| Hàn Quốc | 660.480.238 | 1.856.180.878 |
| Lào | 1.075.880.820 | 791.345.100 |
| Mỹ | - | 154.654.500 |
| Các nước khác | - | 171.784.139 |
| Cộng | 636.023.175.902 | 460.755.627.723 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Võ Thành Nhân
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 241.515.525.389 | 117.762.195.974 | 276.745.454.539 | - | 636.023.175.902 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 241.515.525.389 | 117.762.195.974 | 276.745.454.539 | - | 636.023.175.902 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 72.460.080.651 | (12.426.211.607) | (9.149.502.614) | - | 50.884.366.430 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (27.328.483.363) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 23.555.883.067 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 3.298.110.943 |
| Chi phí tài chính | | | | | (7.830.254.934) |
| Thu nhập khác | | | | | 375.190.237 |
| Chi phí khác | | | | | (1.202.067.778) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.510.002.737) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | 15.145.675 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 15.702.004.473 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 15.680.626.850 | - | - | - | 15.680.626.850 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 13.460.861.195 | - | - | - | 13.460.861.195 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 3.280.577.792 | - | 11.100.000.000 | - | 14.380.577.792 |



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 218.298.446.993 | 240.711.726.190 | 1.745.454.540 | - | 460.755.627.723 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 218.298.446.993 | 240.711.726.190 | 1.745.454.540 | - | 460.755.627.723 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 73.719.635.422 | (6.853.714.537) | 1.614.562.775 | - | 68.480.483.660 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (23.476.555.878) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 45.003.927.782 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 3.802.448.084 |
| Chi phí tài chính | | | | | (34.775.749.351) |
| Thu nhập khác | | | | | 279.873.361 |
| Chi phí khác | | | | | (4.361.516.025) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.051.966.212) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (10.521.963) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 7.886.495.676 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 14.761.791.053 | - | - | - | 14.761.791.053 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 13.744.875.283 | - | - | - | 13.744.875.283 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 3.327.369.299 | - | 7.400.000.000 | - | 10.727.369.299 |



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)


Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 783.152.964.774 | - | 35.000.000.000 | - | 818.152.964.774 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 133.241.617.363 |
| Tổng tài sản | | | | | 951.394.582.137 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 192.025.829.204 | - | - | - | 192.025.829.204 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 8.044.607.512 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 200.070.436.716 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 828.769.060.823 | 13.590.435.937 | 319.694.944.439 | - | 1.162.054.441.199 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 45.942.534.304 |
| Tổng tài sản | | | | | 1.207.996.975.503 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 192.705.060.954 | - | 285.000.000.000 | - | 477.705.060.954 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 8.783.133.601 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 486.488.194.555 |


Võ Thành Nhân
Người lập

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018


 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc
